

Số: 310/2018/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 08 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Võ Hữu N, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Võ Hữu N.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Võ Hữu N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 10/6/2011 của UBND xã D, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Chị Trần Thị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Trần Thị Yến N1, sinh ngày 20/7/2010 (Tại biên bản lấy ý kiến con chung

ngày 28/9/2018 cháu N1 có nguyện vọng sống chung với chị T). Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Võ Hữu N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Hữu N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình hòa giải thành là: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Trần Thị T tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.675.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017869 và số 0017870 cùng ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị Trần Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 4.525.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rên